

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2023
*V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Thành

2. Ông Võ Văn Cho

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989 (C đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến Chinh – Văn phòng luật sư Nguyễn Tiến Chinh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang (C đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Vũ K (tên thường gọi: M), sinh năm: 1983 (C mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người C quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961 (C mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Bà Đặng Thị C, sinh năm: 1968 (C đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai ngày 10 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà với ông Lê Vũ K qua tìm hiểu, tự nguyện đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 13 tháng 6 năm 2013. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống, không thể cùng nhau giải quyết được. Mặc dù gia đình, bạn bè hai bên đã tạo điều kiện để khắc phục, sửa chữa nhưng không C kết quả, đã ly thân nhau đến thời điểm nộp đơn xin ly hôn là khoảng 06 tháng, bà thấy rằng tình cảm giữa các bên không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Vũ K.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Lê Anh T (nam), sinh ngày 30/01/2012 và Lê Anh K (nam), sinh ngày 03/8/2016, các con đã biết nhận thức nên tự quyết định sống với ai khi cha mẹ ly hôn, nếu muốn sống với bà thì bà sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự quyết định khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Vũ K quá trình tố tụng vào ngày 01/11/2022 có làm đơn phản tố, trong đơn phản tố đã trình bày về quan hệ hôn nhân đồng ý ly hôn với bà D; về con chung đồng ý để bà D nuôi dưỡng Lê Anh K, ông nuôi dưỡng Lê Anh T; về tài sản chung có 01 bộ vòng xi men vàng 18K trị giá 21.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 24K trị giá 5.000.000 đồng; về nợ chung có nợ mẹ ruột ông Nguyễn Thị N 10 chỉ vàng 24K trị giá 49.000.000 đồng và tiền mặt là 30.000.000 đồng; nợ tiền hụi chết của bà Đặng Thị C gồm hụi mùa 3.000.000 đồng, có 16 thành viên chơi, mở hụi ngày 30/01/2020 âm lịch, bà Nguyễn Thị D đã hốt được 36.000.000 đồng và số tiền này bà D giữ. Đóng hụi chết được 10 lần, mỗi lần đóng 3.000.000 đồng, còn lại 06 lần hụi chết chưa đóng, ông yêu cầu về tài sản chung chia đôi theo quy định của pháp luật, cụ thể ông yêu cầu ông được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị của bộ vòng xi men là 10.500.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 chỉ vàng 24K là 2.500.000 đồng; về nợ chung ông yêu cầu bà D trả cho mẹ ông Nguyễn Thị N 05 chỉ vàng 24K và 15.000.000 đồng tiền mặt; yêu cầu bà D đóng $\frac{1}{2}$ tức là 03 lần hụi chết cho bà C với số tiền 9.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N khai: bà là mẹ ruột ông K, mẹ chồng bà D, quá trình chung sống thì vợ chồng K, D có mượn bà 10 chỉ vàng 24K và nợ một khoản tiền mặt là 30.000.000 đồng không có làm giấy tờ gì, khi ra Tòa án K có khai và có yêu cầu D phải trả cho bà 05 chỉ vàng 24K và

15.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà nhận thấy hiện nay D đang nuôi 01 thằng cháu nội của bà nên về phần nợ của K, D bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Bà sẽ tự thỏa thuận với K, D, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Bà không C yêu cầu nhưng vẫn muốn tham gia tố tụng để nói chuyện với con dâu bà, tại phiên tòa bà thống nhất lời khai trước đó, không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị C khai (bút lục 15): vợ chồng K, D có chơi hụi mùa số tiền 3.000.000 đồng, mở ngày bà không nhớ nhưng tháng 01 năm 2020 âm lịch, hụi này kêu được 03 lần thì vợ chồng K, D hốt. Hụi gồm 16 người chơi, khui theo vụ lúa ở địa phương, hiện vợ chồng K, D còn 07 lần hụi chết chưa đóng, tính đến nay thì K, D vẫn đóng hụi đầy đủ, chưa vi phạm gì nên trong vụ án này bà không có yêu cầu độc lập, bà sẽ tự thỏa thuận với ông K, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác, bà đã trình bày ý kiến và cam đoan lời khai của mình, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà về sau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt và có nộp bài luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Thị D được tóm tắt như sau: về tình trạng hôn nhân chị D và anh K sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng nhau, không hàn gắn được, đã ly thân nhau gần 07 tháng nên chị D xin ly hôn, do anh K cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn; về con chung có 02 con chung, chị D anh K đã tự thỏa thuận cháu Lê Anh T sống cùng anh K, Lê Anh K sống cùng bà D, không ai phải cấp dưỡng cho ai, anh K cũng thống nhất thể hiện tại đơn phản tố ngày 01/11/2022 và trong biên bản ghi lời khai của cháu Tuấn ngày 15/11/2022 cháu Tuấn cũng đồng ý với ý kiến của cha mẹ, đây là sự tự nguyện thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về tài sản chung chị D yêu cầu để tự giải quyết, nếu không giải quyết được sẽ khởi kiện thành vụ án khác nhưng ngày 01/11/2022 anh K có đơn phản tố yêu cầu chia đôi tài sản chung tuy nhiên sau đó anh K đã rút yêu cầu chia tài sản chung đồng thời người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Khi anh K yêu cầu chia tài sản chung thì chị D cũng làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con nhưng khi anh K rút đơn yêu cầu chia tài sản thì chị D cũng rút đơn, không nộp tạm ứng án phí, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; các đương sự chấp hành và thực hiện đúng

quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét xử tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu Lê Anh T cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu Lê Anh K cho chị D nuôi dưỡng, do hai bên đều không có yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con, các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở; về tài sản chung: chị D không yêu cầu giải quyết, anh K có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này; đối với nợ chung bà N và bà C không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này nên đề nghị không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết thành vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà D và ông K phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể tự giải quyết hàn gắn tình cảm được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về con chung; ông K có đơn phản tố yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn và yêu cầu giải quyết nợ chung nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại lãnh thổ huyện Châu Thành A nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về xác định lại nhân thân, địa chỉ đương sự: theo đơn phản tố bị đơn Lê Vũ K nêu có nợ hụi chết bà Nguyễn Thị C, địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nhưng quá trình lấy lời khai thì bà C khai họ và tên của bà là Đặng Thị C, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên Hội đồng xét xử xác định lại nhân thân, địa chỉ đúng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đặng Thị C, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2.2] Về sự vắng mặt đương sự: quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị C; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Tiến Chinh vắng mặt nhưng trước đó đã

có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D, bà C, luật sư Chinh.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: giữa bà Nguyễn Thị D và ông Lê Vũ K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, không thể hàn gắn tình cảm được. Trước khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng đã mời cho các bên gặp gỡ hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả, tại các buổi làm việc các bên cứ cãi nhau gay gắt, trong đơn bà D nêu các bên không còn tình cảm nên được xem là mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì thực tế đã ly thân nhau trên 07 tháng nhưng không có giải pháp đoàn tụ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Vũ K.

[4] Xét về con chung: bà D, ông K có 02 người con chung là Lê Anh T (nam), sinh ngày 30/01/2012 và Lê Anh K (nam), sinh ngày 03/8/2016, từ khi ly thân bà D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh K, ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T. Tại biên bản ghi lời khai cháu Lê Anh T ngày 15/11/2022 (bút lục 17) thì cháu Tuấn có nguyện vọng sống cùng với ông Lê Vũ K, bà D không có tranh chấp mà để con tự quyết định, ông K cũng thống nhất đồng ý nuôi dưỡng cháu Lê Anh T và đồng ý để bà D nuôi dưỡng cháu Lê Anh K nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh K và giao cho anh Lê Vũ K quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh T. Do các bên không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D và ông K không ai được quyền cản trở.

[5] Xét về tài sản chung: nguyên đơn Nguyễn Thị D không có yêu cầu giải quyết; ngày 01/11/2022 bị đơn ông Lê Vũ K có yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm 01 bộ vòng xi men vàng 18K trị giá 21.000.000 đồng, 01 chỉ vàng 24K trị giá 5.000.000 đồng. Đến ngày 04/11/2022 ông K đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Xét về nợ chung: mặc dù ông K có yêu cầu bà D trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà N và đóng $\frac{1}{2}$ số tiền hụi chết còn lại cho bà C. Tuy nhiên, qua lấy lời khai thì bà N, bà C không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp giữa các bên thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Xét ý kiến trong bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với các vấn đề các bên đã nêu hoặc trình bày trong quá trình tố tụng, ý kiến và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định pháp luật là 300.000 đồng. Do ông Lê Vũ K rút khỏi kiện phản tố yêu cầu chia tài sản nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông K và xử lý trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí cho ông Lê Vũ K.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn ông Lê Vũ K, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Vũ K.

2. Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Lê Anh K (nam), sinh ngày 03/8/2016; giao cho ông Lê Vũ K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Lê Anh T (nam), sinh ngày 30/01/2012. Bà D và ông K không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D và ông K không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố thụ lý số 20/TB/TLPT ngày 01 tháng 11 năm 2022 của ông Lê Vũ K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D chia đôi 01 bộ vòng xi men vàng 18k trị giá 21.000.000 đồng cho ông nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 10.500.000 đồng và chia đôi 01 chỉ vàng 24k giá 5.000.000 đồng cho ông nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 2.500.000 đồng. Nguyên đơn, bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị N và bà Đặng Thị C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này các bên C phát sinh tranh chấp C quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0012143 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Nguyễn Thị D đã nộp xong).

Ông Lê Vũ K được nhận lại 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012185 ngày 04/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: bị đơn Lê Vũ K; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm